TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1152/2019/DS-PT
Ngày: 28/11/2019.
V/v "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh

Các Thẩm phán: 1/ Bà T rần Thị Nhung.

2/ Bà T rần Thị Lệ Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà T rần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26/11/2019 và 28/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 486/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 125/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5026/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9593/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1/ Bà Võ Thị T, sinh năm 1937. Địa chỉ: 50 Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Tuyết: Ông Trần Công B, sinh năm 1957. Địa chỉ: 56/10D Điện Biên Phủ, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Ông Trần Công B, sinh năm 1957. Địa chỉ: 56/10D Điện Biên Phủ, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Chu Đức Nam A, Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn AD (có mặt).

2. Bị đơn: Văn phòng công chứng T. Địa chỉ: 448 Nguyễn Văn Linh, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân C. Chức vụ: Trưởng phòng công chứng T (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Hữu Q, sinh năm 1962 (vắng mặt).

2/ Bà T rần Thị Thanh M, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 52 Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà T rần Thị Bính, sinh năm 1969. Địa chỉ: 52 Trà Khúc, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Trần Hữu Q, Trần Thị Thanh M, Trần Thị B: Ông Trần Công B, sinh năm 1957. Địa chỉ: 56/10D Điện Biên Phủ, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

4/ Bà T rần Thị L, sinh năm 1959. Địa chỉ: xã Đ, huyện V, tỉnh HT(vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Liên: Bà Trần Thị Song H, sinh năm 1959, địa chỉ: 56/10D Điện Biên Phủ, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

5/ Ông Trần Viết N, sinh năm 1942. Địa chỉ: 2F Quang Trung, phường S, quận Q, thành phố HN (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Viết N: Ông Trần Viết N1, sinh năm 1973, địa chỉ: 59 Hàng Bài, Thành phố HN (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

6/ Bà T rần Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: 53J Đường 3J, Khu phố 5, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị H: Ông Nguyễn Xuân C (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

7/ Đoàn bay 919- Tổng Công ty X Việt Nam. Địa chỉ: 108 Hồng Hà, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

8/ Ủy ban nhân dân quận U, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Trung tâm hành chính quận U – 387A Trường Chinh, Phường 14, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn Văn phòng công chứng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Viết N, bà Trần Thị H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Tại phiên tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/6/2016 ông Trần Viết N (đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Thanh L) có xuất trình hợp đồng ủy quyền và bản di chúc được lập ngày 20/12/2013 do Văn phòng công chứng T lập.

Nội dung của hợp đồng ủy quyền là ông Trần Th, bà Võ Thị T ủy quyền để ông Trần Viết N thay mặt và nhân danh ông bà quản lý sử dụng 77m2 đất tại lô 7, khu B thuộc khu Mat vi cũ nằm trong khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, đường Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung bản di chúc là ông Trần Th, bà Võ Thị T lập di chúc cho ông Trần Viết N được thừa kế phần nhà đất 77m2 đất tại lô 7, khu B thuộc khu Mat vi cũ nằm trong khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, đường Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào khoảng tháng 7, 8 năm 2013 ông Trần Th bị đột quỵ cấp cứu tại bệnh viện Thống Nhất phải mổ tim đặt Sten, sau đó ông Trần Th về nhà để điều trị hồi phục sức khỏe. Do tình trạng sức khỏe của ông Trần Th thời điểm đó rất yếu, bà Võ Thị T thì không biết chữ.

Ngày 20/12/2013, ông Trần Viết N vào thăm ông Th, khi đó ông Th đi cùng 5, 6 người cả nam và nữ. Khi bà T rót nước mời khách thì được ông Th thông báo là ông N đến thăm và hỗ trợ cho 100.000.000 đồng, ông N yêu cầu bà T, ông Th ký vào các giấy tờ mà ông N đã cầm theo sẵn, ông N nói ký nhận số tiền 100.000.000 đồng. Do tin tưởng ông N nên bà T ông Th đã ký vào các giấy tờ mà không biết đó là hợp đồng ủy quyền lập ngày 20/12/2013 của Văn phòng công chứng T giữa ông Trần Th, bà Võ Thị T và ông Trần Viết N và bản di chúc đứng tên ông Trần Th, bà Võ Thị T lập ngày 20/12/2013 do Văn phòng công chứng T công chứng.

Nay nguyên đơn bà Võ Thị T, ông Trần Công B khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố hủy 02 văn bản sau: Hợp đồng ủy quyền lập ngày 20/12/2013 của Văn phòng công chứng T giữa ông Trần Th, bà Võ Thị T với ông Trần Viết N và Bản di chúc được lập ngày 20/12/2013 do Văn phòng công chứng T lập giữa ông Trần Th, bà Võ Thị T với ông Trần Viết N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Công B (ông Bá đại diện ủy quyền của bà Võ Thị T) có thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng ủy quyền lập ngày 20/12/2013 của Văn phòng công chứng T giữa ông Trần Th, bà Võ Thị T với ông Trần Viết N và Bản di chúc được lập ngày 20/12/2013 do Văn phòng công chứng T lập giữa ông Trần Th, bà Võ Thị T với

ông Trần Viết N là vô hiệu và yêu cầu Văn phòng công chứng T hủy 02 văn bản trên vì các lý do sau:

1/ Các văn bản trên được lập tại nhà ông Th nhưng ghi trong văn bản là lập tại Văn phòng công chứng là không đúng, chúng tôi có hình ảnh chứng minh ông N và nhiều người đến nhà ông Th để lập di chúc trong tình trạng ông Th đang bệnh rất nặng.

2/ Bị đơn lập các văn bản trên không đúng ý chí của ông Th, bà T. Việc lập 02 văn bản trên khi các ông bà T trên 80 tuổi, theo quy định của pháp luật là phải có người làm chứng nhưng các văn bản đều không có người làm chứng.

3/ Nhà đất tại lô 7, khu B thuộc khu Mat vi cũ nằm trong khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, đường Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã có giấy chứng nhận chủ quyền năm 2008, hiện trạng kết cấu nhà từ năm 1999 đến nay là nhà 01 trệt 3 lầu đúng như chủ quyền cấp cho ông Th, bà T trong khi đó di chúc lập ngày 20/12/2013 lại căn cứ quyết định số 144/ĐB này 08/8/1990 của Đoàn bay 919 cấp cho gia đình ông Th, quyết định số 144/ĐB không còn giá trị pháp lý vì đã được thay thế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng nhà ở cấp năm 2008.

Bị đơn Văn phòng công chứng T có ông Nguyễn Xuân C trình bày:

Ngày 20/12/2013 Văn phòng công chứng T có tiếp nhận hồ sơ về việc yêu cầu:

- Công chứng hợp đồng ủy quyền giữa vợ chồng Trần Th, bà Võ Thị T cùng trú tại 50 Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh với ông Trần Viết N thường trú 2F Quang Trung, phường S, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Công chứng di chúc của vợ chồng ông Trần Th, bà Võ Thị T cùng trú tại 50 Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Công chứng viên tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thấy đầy đủ giấy tờ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch gồm: Giấy chứng minh nhân dân (còn giá trị 15 năm); Sổ hộ khẩu; Giấy tờ chứng minh quan hệ hôn nhân; Giấy tờ chứng minh về tài sản: Vợ chồng ông Trần Th bà Võ Thị T là người được cấp diện tích đất tại lô lô 7, khu B thuộc khu Mat vi cũ nằm trong khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, đường Trường Sơn, Phường B, quận C, căn cứ theo Quyết định số 144/ĐB ngày 08/8/1990 của Đoàn bay 919, Tổng Công ty X Việt Nam.

Khi công chứng viên tiếp xúc, ông Trần Th và bà Võ Thị T, ông Trần Viết N nói chuyện, tự đọc, tự viết và trả lời đúng, chính xác các câu hỏi của công chứng viên, thể hiện ý chí tự nguyện cùng thỏa thuận lập hợp đồng ủy quyền, trong đó ông Trần Th và bà Võ Thị T ủy quyền cho ông Trần Viết N, thay mặt ông bà làm thủ tục giấy tờ hợp pháp hóa đối với diện tích đất tại lô 7, khu B thuộc khu Mat vi cũ nằm trong khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, đường Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy cho thấy, các bên tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng; Mục đích, nội dung hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005, Luật công chứng và các quy định của pháp luật có liên quan, công chứng viên đã thụ lý, giải quyết hồ sơ thực hiện ký chứng nhận hợp đồng ủy quyền số công chứng 00008616 ngày 20/12/2013.

Đối với hồ sơ di chúc, ông Trần Th và bà Võ Thị T hoàn toàn khỏe mạnh, trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, thể hiện ý chí tự nguyện muốn lập di chúc để lại tài sản của mình cho ông Trần Viết N (thể hiện bút tích tại bút lục số 03) hồ sơ công chứng số 08645 ngày 20/3/2013. Ông bà có tài sản hợp pháp, có quyền định đoạt tài sản của mình cho người khác cho thấy tại thời điểm công chứng ông Trần Th và bà Võ Thị T có năng lực hành vi dân sự, đã tự nguyện lập di chúc; Mục đích, nội dung di chúc không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005, Luật công chứng và các quy định của pháp luật có liên quan, công chứng viên đã thụ lý, giải quyết hồ sơ thực hiện ký chứng nhận "Di chúc" số công chứng 00008645 ngày 20/12/2013.

Như vậy, việc công chứng viên văn phòng Tân Thuận đã chứng nhận "hợp đồng ủy quyền" chứng nhận "Di chúc" của ông Trần Th và bà Võ Thị T là đúng theo trình tự của quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ công chứng các hợp đồng, giao dịch và đúng theo quy định của pháp luật.

Nay nguyên đơn bà Võ Thị T, ông Trần Công B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng ủy quyền và di chúc nêu trên, bị đơn không đồng ý do không có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do không có căn cứ, không có ý kiến về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn nộp tại phiên tòa các bản photo thư viết tay ngày 06/10/1999, bản photo giấy cam kết đánh máy ngày 15/5/2003, bản photo giấy biên nhận ngày 20/12/2013, bị đơn chỉ có bản photo do ông N gửi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Viết N trình bày: Việc ký kết 02 văn bản hợp đồng ủy quyền và bản di chúc giữa ông Trần Th và bà Võ Thị T với ông Trần Viết N được lập tại phòng công chứng Tân Thuận ngày 20/12/2013 là hoàn toàn có thật, do nguyện vọng và nhu cầu của các bên, không có bất cứ sự ép buộc nào.

Vào thời điểm ký kết sức khỏe của ông Th, bà T đều tốt. Quá trình chuẩn bị và ký kết đều tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành (ông Th và bà T đều đã đọc, chấp nhận các nội dung nêu trong hợp đồng ủy quyền và bản di chúc; các bên đều đồng ý và ký vào văn bản dưới sự làm chứng của Đại diện Văn phòng công chứng T). Các văn bản này đều được các bên lưu bản chính. Do

vậy, việc yêu cầu hủy 02 văn bản nêu trên của bà Võ Thị T và ông Trần Công B là hoàn toàn vô lý và không đúng quy định của pháp luật.

Do điều kiện sức khỏe nên ông xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giả quyết vụ án của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Trần Hữu Q, bà T rần Thị Thanh M, bà Trần Thị B có người đại diện hợp pháp là ông Trần Công B trình bày:

Các ông bà thống nhất ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị T và ông Trần Công B đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng ủy quyền (số công chứng 00008616 quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD và Bản di chúc (số 00008645 quyển số 03 TP/ CC-SCC/HĐGD) ngày 20/12/2013 giữa ông Trần Th, bà Võ Thị T với ông Trần Viết N của Văn phòng công chứng T. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

3/ Bà T rần Thị L có bà Trần Thị Song H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thống nhất với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị T và ông Trần Công B đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng ủy quyền (số công chứng 00008616 quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD và Bản di chúc (số 00008645 quyển số 03 TP/ CC-SCC/HĐGD) ngày 20/12/2013 giữa ông Trần Th, bà Võ Thị T với ông Trần Viết N của Văn phòng công chứng T. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

4/ Bà T rần Thị H có ông Nguyễn Xuân C đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà là công chứng viên thực hiện việc công chứng Di chúc và hợp đồng ủy quyền ngày 20/12/2013 tại Văn phòng công chứng Tân Thuận.

Ngày 20/12/2013 Văn phòng công chứng T có tiếp nhận hồ sơ về việc yêu cầu:

- Công chứng hợp đồng ủy quyền giữa vợ chồng Trần Th, bà Võ Thị T cùng trú tại 50 Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh với ông Trần Viết N thường trú 2F Quang Trung, phường S, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Công chứng di chúc của vợ chồng ông Trần Th, bà Võ Thị T cùng trú tại 50 Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà là công chứng viên tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thấy đầy đủ giấy tờ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch gồm: Giấy chứng minh nhân dân (còn giá trị 15 năm); Sổ hộ khẩu; Giấy tờ chứng minh quan hệ hôn nhân; Giấy tờ chứng minh về tài sản: Vợ chồng ông Trần Th bà Võ Thị T là người được cấp diện tích đất tại lô 7, khu B thuộc khu Mat vi cũ nằm trong khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, đường Trường Sơn, Phường B, quận C, căn cứ theo Quyết định số 144/ĐB ngày 08/8/1990 của Đoàn bay 919, Tổng Công ty X Việt Nam.

Phần kiểm tra năng lực hành vi dân sự: Công chứng viên tiếp xúc, ông Trần Th, bà Võ Thị T, ông Trần Viết N nói chuyện, tự đọc, tự viết và trả lời đúng, chính xác câu hỏi của công chứng viên, thể hiện ý chí tự nguyện cùng thỏa thuận lập hợp đồng ủy quyền, trong đó ông Trần Th, ông Võ Thị T ủy

quyền cho ông Trần Viết N thay mặt ông bà làm thủ tục giấy tờ hợp pháp hóa đối với diện tích đất tại lô 7, khu B thuộc khu Mat vi cũ nằm trong khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, đường Trường Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công chứng viên giải thích quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng hợp đồng ủy quyền và chuyển hồ sơ qua bộ phận thư ký soạn thảo hợp đồng theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng.

Như vậy cho thấy, các bên tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng; Mục đích, nội dung hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật công chứng và các quy định của pháp luật có liên quan, công chứng viên đã thụ lý, giải quyết hồ sơ thực hiện ký chứng nhận "Hợp đồng ủy quyền" số công chứng 00008616 ngày 20/12/1013.

Đối với hồ sơ di chúc, ông Trần Th và bà Võ Thị T hoàn toàn khỏe mạnh, trạng thái tinh thần hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, thể hiện ý chí tự nguyện muốn lập di chúc để lại tài sản trên cho ông Trần Viết N (thể hiện bút tích tại bút lục số 03) hồ sơ công chứng số 08645 ngày 20/3/2013.

Cũng theo trình tự thủ tục chung như trên, sau khi nghe công chứng viên giải thích quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng di chúc, ông Trần Th và bà Võ Thị T đồng ý chuyển hồ sơ qua bộ phận thư ký soạn thảo hợp đồng theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng.

Ông, bà có tài sản hợp pháp, có quyền định đoạt tài sản của mình cho người khác. Cho thấy, tại thời điểm công chứng ông Trần Th và bà Võ Thị T có năng lực hành vi dân sự, đã tự nguyện lập di chúc. Mục đích, nội dung di chúc không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Bộ luật Dân sự 2005, Luật công chứng và các quy định của pháp luật có liên quan, công chứng viên đã thụ lý, giải quyết hồ sơ thực hiện ký chứng nhận "Di chúc" số công chứng 00008645 ngày 20/12/2013.

Việc công chứng viên Văn phòng công chứng T đã chứng nhận hợp đồng ủy quyền, chứng nhận di chúc của ông Trần Th và bà Võ Thị T là đúng theo trình tự theo quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ công chứng các hợp đồng, giao dịch và đúng theo quy định của pháp luật.

Nay nguyên đơn bà Võ Thị T, ông Trần Công B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh hủy "Hợp đồng ủy quyền" và "Di chúc" nêu trên là không có căn cứ.

5/ Đoàn bay 919 trình bày:

Đoàn bay 919 có cấp Quyết định số 144/ĐB ngày 08/8/1990 về việc cấp đất cho gia đình ông Trần Th sử dụng cất nhà ở vì thời điểm này ông Th là phi công của Đoàn bay 919.

Sau khi nhận Quyết định 144 thì gia đình ông Th cất nhà ở và sử dụng cho đến nay.

Gia đình ông Th có liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà đất thì Đoàn bay không được nắm và không được biết

Trong vụ kiện tranh chấp này chúng tôi không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luât. Vì lý do công việc chúng tôi xin được vắng mặt trong suốt quá trình tòa giải quyết vụ án.

6/ Ủy ban nhân dân quận U, Thành phố Hồ Chí Minh:

Nguồn gốc đất do Đoàn bay 919- Tổng Công ty X Việt Nam có quyết định số 144/ĐB ngày 8/8/1990 cấp cho gia đình ông Trần Th với diện tích 154m2, kèm xác nhận của Đoàn bay ngày 20/11/2007. Nhà xây dựng năm 1991 theo xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C. Kê khai nhà đất năm 1999 do ông Trần Th đứng tên kê khai với diện tích khuôn viên 154m2, nhà 02 tầng.

Năm 2007, ông Th bà T lập thủ tục cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân Phường 2 xác nhận nhà đất không có tranh chấp. Căn cứ Luật nhà ở năm 2005 và Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 về thi hành Luật nhà ở; Phòng quản lý đô thị đã tham mưu Ủy ban nhân dân quận U cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 50 đường Trường Sơn, Phường B, quận C với diện tích 160,20m2, diện tích xây dựng 444,13m2, nhà 3 tầng, sàn bê tông cốt thép.

Ngày 05/12/2014 Văn phòng đăng ký đất đai quận U đã cập nhật tên những người thừa kế căn nhà trên là bà Võ Thị T, ông Trần Hữu Q, bà T rần Thị Thanh M, bà T rần Thị Bính, ông Trần Công B, bà T rần Thị L lên trang 4 của giấy số 410/UB.GCN ngày 21/01/2008 nêu trên, căn cứ văn bản khai nhận di sản thừa kế số 044998 ngày 18/11/2014 do phòng công chứng số 4 chứng nhận (ông Trần Th chết ngày 06/7/2014) và cơ sở pháp lý theo Điều 17 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong vụ kiện tranh chấp này chúng tôi không có ý kiến, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì lý do công việc, chúng tôi xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 125/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minhđã quyết định:

Căn cứ vào khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm m khoản 2 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 271; Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

Căn cứ Điều 9, điểm a, d, khoản 1 Điều 35; Điều 36, khoản 1 Điều 48 Luật công chứng năm 2006 có hiệu lực thi hành vào ngày 01/7/2007; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 13 NĐ 110/2013/NĐ-CP.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 23 Luật đất đai 1993;

Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 91 Luật nhà ở năm 2005.

Căn cứ Điều 663 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt Đoàn bay 919, Ủy ban nhân dân quận U, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Trần Viết N, bà T rần Thị Song H.

2. Về nội dung:

Xử,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T và ông Trần Công B.

Tuyên bố:

"Hợp đồng ủy quyền ngày 20/12/2013 tại Văn phòng công chứng T, số 448 Nguyễn Văn Linh, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 00008616 quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD"

Và "Bản di chúc lập ngày 20/12/2013 tại Văn phòng công chứng T, số 448 Nguyễn Văn Linh, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 00008645 quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD" là vô hiệu vì vi phạm pháp luật.

Buộc bị đơn Văn phòng công chứng T hủy 02 văn bản trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 01/7/2019 bị đơn Văn phòng công chứng T kháng cáo toàn bộ bản án số 125/2019/DSST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 125/2019/DSST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hủy hai văn bản trên là không có có căn cứ pháp luật vì: Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng đúng quy định của pháp luật; Không khách quan trong việc xem xét, đánh giá chứng cứ, bỏ sót chứng cứ, dẫn tới xét xử sai nội dung, bản chất của Văn bản công chứng. Cụ thể:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về cấp, trích lục bản án, giao, gửi bản án gây khó khăn cho việc thực hiện quyền kháng cáo theo khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố

tụng dân sự 2015.

Bản án xác định bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng tại mục 2 Phần nhận định và mục 4 Phần quyết định của bản án không xác định quyền kháng cáo của bà H là vi phạm khoản 22 Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

- Bản án nhận định rằng trên phiếu yêu cầu công chứng không có chữ ký của ông Trần Th, có nghĩa là là ông Trần Th không tự mình yêu cầu lập di chúc là không có căn cứ. Tại khoản 2 Điều 4 Luật công chứng năm 2006 quy định: Văn bản công chứng bao gồm các nội dung sau: *"a) hợp đồng, giao dịch; b) Lời chứng của công chứng viên."*. Vậy nên, phiếu yêu cầu công chứng không phải là nội dung của văn bản công chứng mà chỉ là một thủ tục trong hồ sơ công chứng. Ông Trần Th không ký phiếu yêu cầu công chứng nhưng ông Trần Th đã ký, lăn tay và ghi rõ họ tên vào phần cuối bản di chúc lập ngày 20/12/2013 tại Văn phòng công chứng T, ông Th còn viết "*Chúng tôi đã đọc và xác nhận nội dung di chúc đúng ý nguyện của chúng tôi*".

- Bản án nhận định: *Căn cứ quy định luật đất đai năm 1993, 2005 và Luật nhà ở năm 2005 thì Quyết định số 144/QĐ ngày 08/8/1990 của Đoàn bay 919, Tổng Công ty X Việt Nam cấp đất cho ông Th là không có thẩm quyền cấp đất, quyết định số 144/QĐ ngày 08/8/1990 của Đoàn bay 919, Tổng Công ty X Việt Nam chỉ là tài liệu có giá trị xác nhận thời điểm gia đình ông Trần Th sử dụng đất để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc văn phòng công chứng căn cứ quyết định 144/QĐ ngày 08/8/1990 của Đoàn bay 919, Tổng Công ty X Việt Nam để làm giấy tờ thay thế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để công chứng di chúc là vi phạm điểm d khoản 1 Điều 35 Luật công chứng năm 2006*.

Đồng thời bản án nhận định: *Thừa nhận quyết định số 144/QĐ ngày 08/8/1990 của Đoàn bay 919, Tổng Công ty X Việt Nam là cấp đất cho gia đình đồng chí Trần Th thời điểm năm 1990, gia đình ông Trần Th bà T và các con ông Th bà T là những người được cấp đất, do đó ông Th bà T không có quyền lập di chúc, không có quyền định đoạt tài sản của những người con trong khối tài sản chung gia đình khi chưa có sự đồng ý của các con, nên nội dung di chúc và hợp đồng ủy quyền lập ngày 20/12/2013 tại Văn phòng công chứng T là trái quy định pháp luật*.

Việc nhận định như trên là có sự mâu thuẫn, không có cơ sở vì trên thực tế Ủy ban nhân dân quận U đã yêu cầu ông Th bà T cung cấp quyết định số 144/QĐ ngày 08/8/1990 của Đoàn bay 919, Tổng Công ty X Việt Nam để làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Tại giấy chứng nhận số 410/UB.GCN ngày 21/8/2008 cấp cho ông Trần Th và bà Võ Thị T mà không hề có các đồng sở hữu sử dụng là các con của ông Th và bà T uyết. Do đó, việc ông Trần Th và bà Võ Thị T lập di chúc chung của vợ chồng để định đoạt tài sản chung của vợ chồng là đúng quy định của pháp luật.

- Bản án nhận định: "Khi tiến hành công chứng di chúc một phần quyền sử dụng đất thì thành phần hồ sơ thiếu bản vẽ đo đạc xác định vị trí phần diện tích 77m2 đi di tặng nằm trong phần diện tích 154m2, không tiến hành đo vẽ nên đã không phát hiện tài sản đã được cấp giấy chứng nhận, không xác định được vị trí tài sản di tặng, nội dung di chúc không xác thực là không chính xác, có sự nhầm lẫn về pháp luật vì khi tiến hành công chứng di chúc, không nhất thiết phải tiến hành đo vẽ xác định vị trí tài sản nhằm xác định tình trạng lịch sử của tài sản lập di chúc.

- Bà Võ Thị T là người biết đọc, biết viết nên không thuộc trường hợp phải có người làm chứng. Bên nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ hoặc giấy tờ gì của cơ quan có thẩm quyền ghi nhận việc bà T bị hạn chế về thể chất nên không thuộc trường hợp di chúc phải có người làm chứng lập thành văn bản theo quy định của Điều 652 Bộ luật Dân sự 2005.

Việc Văn phòng công chứng T đã công chứng Hợp đồng ủy quyền và bản di chúc là đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 02/7/2019, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án số 125/2019/DSST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 03/9/2019, ông Trần Viết N kháng cáo toàn bộ bản án số 125/2019/DSST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị số 153/QĐKNPY-VKS-DS đối với bản án số 125/2019/DSST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung kháng nghị như sau:

1/ Về tố tụng: Xác định bà H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không dành cho bà H quyền kháng cáo là có thiếu sót.

2/ Về nội dung: Bản án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T và ông Trần Công B là không có cơ sở vì:

Bản án nhận định "Nhận thấy bị đơn đã vi phạm quy định thủ tục công chứng khi tiến hành công chứng văn bản di chúc, cụ thể phiếu yêu cầu công chứng di chúc của ông Th" là không đúng, vì: Theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật công chứng năm 2006 quy định: Người lập di chúc phải tự mình yêu cầu công chứng di chúc, không ủy quyền cho người khác yêu cầu công chứng di chúc nhưng không quy định buộc tất cả những người lập di chúc phải cùng ký, viết họ tên vào phiếu yêu cầu công chứng. Như vậy, bản án nhận định thiếu yêu cầu công chứng di chúc của ông Th là vi phạm quy định thủ tục công chứng là không có cơ sở. Mặc dù trong bản di chúc ông Th có ký, ghi họ tên vào các trang Di chúc và lăn tay đầy đủ và ông còn viết thêm nội dung: *"Chúng tôi đã đọc và xác nhận nội dung di chúc đúng ý nguyện của chúng tôi"*.

Bản án nhận định: Văn phòng công chứng T căn cứ vào quyết định số 144/ĐB ngày 08/8/1990 của Đoàn trưởng đoàn bay 919 làm giấy tờ thay thế cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để công chứng bản di chúc là vi phạm điểm d khoản 1 Điều 35 Luật công chứng năm 2006; Lãnh đạo đơn vị quốc phòng hoặc đơn vị quốc phòng không có thẩm quyền cấp đất; Quyết định số 144/ĐB ngày 08/8/1990 trong đó Điều 1 có ghi: "Nay cho gia đình đồng chí Trần Th được cấp đất làm nhà..." thời điểm năm 1990, gia đình ông Th gồm có: Ông Th, bà T và các con của ông Th bà T là những người được cấp đất, do đó ông Th bà T không có quyền lập di chúc định đoạt tài sản của những người con trong khối tài sản chung của gia đình là chưa xem xét đầy đủ, toàn diện nội dung vụ án vì:

Nhận thấy đối tượng di chúc là quyền sử dụng 77m^2 đất tại lô 7, khu B, thuộc khu mát vi nằm trong khu vực sân bay Tân Sơn Nhất đường Trung Sơn, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp theo quyết định số 144/ĐB của Đoàn bay 919, Tổng Công ty X Việt Nam ngày 08/8/1990 trên cơ sở quyết định số 304/QĐ-TM ngày 30/7/1988 của Bộ Tổng tham mưu- quân đội nhân dân Việt Nam và quyết định số 1003/TCHK ngày 14/12/1988 của Tổng cục Hàng không dân dụng và đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại quyết định số 750/QĐ-UB ngày 07/5/1992. Đến năm 2008 đã được Ủy ban nhân dân quận U, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 410/UB.GCN ngày 21/01/2008 cho ông Th bà T là chủ sở hữu.

Như vậy, theo quy định tại Điều 646 BLDS 2005 "Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết", việc ông Th và bà T lập di chúc tại thời điểm 20/12/2013 là phù hợp với quy định của pháp luật về quyền định đoạt tài sản và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người con trong khối tài sản chung của gia đình theo nhận định của bản án nêu.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật công chứng năm 2006 quy định: "Người yêu cầu công chứng xuất trình đầy đủ các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó". Việc ông Thoa, bà T xuất trình quyết định số 144/ĐB của Đoàn bay 919 khi công chứng bản di chúc nhưng nay ông Th chết, bà T lại yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu do văn phòng công chứng căn cứ quyết định 144/ĐB ngày 08/8/1990 là không có cơ sở chấp nhận.

Bản án nhận định: Mặt khác theo bà Võ Thị T trình bày thì bà là người không biết chữ, chỉ biết ký tên và viết họ tên của mình. Ngoài ra khả năng đọc và viết của bà rất hạn chế. Do bà Võ Thị T không đọc chữ không rành nhưng khi thực hiện việc công chứng, công chứng viên đã không yêu cầu người làm chứng chứng kiến là không tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 9 Luật công chứng 2006 và khoản 3 Điều 652, Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005 là không đúng, vì:

Nhận thấy trước khi công chứng bản di chúc bà T có ký vào phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch. Trong bản di chúc trước khi ký và ghi họ, tên, ông Th còn viết nội dung: "Chúng tôi đã đọc và xác nhận nội dung di chúc đúng

ý nguyện của chúng tôi", bà T cũng ký và ghi đầy đủ họ tên của mình. Như vậy, khẳng định bà T và ông Th đã đọc lại bản di chúc. Đồng thời tại giấy ủy quyền ngày 19/6/2018 lập giữa ông Bá và bà T thì bà T có ghi nội dung: *"Đã đọc và đồng ý, Tuyết, Võ Thị T"* và tại các biên bản làm việc với Tòa án bà T cũng ký và ghi họ tên đầy đủ.

Như vậy chứng tỏ bà T biết viết, đọc chứ không phải bà T không biết chữ như bản án nhận định chỉ theo lời trình bày của một bên là bà T là không đúng sự thật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: Thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

"Việc lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải tuân thủ theo thủ tục sau đây:

1. Người lập di chúc tuyên bố nội dung di chúc trước công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi ký xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký vào bản di chúc.

2. Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng."

Nhận thấy ông Th và bà T ký bản di chúc trước mặt công chứng viên, có lăn tay, ký và viết tên đầy đủ, được ký tên vào cả hai trang di chúc và ông Th có viết thêm nội dung: *"Chúng tôi đã đọc và xác nhận nội dung di chúc đúng ý nguyện của chúng tôi"*. Ông Bá cũng xác nhận chữ viết và chữ ký trong bản di chúc này là của cha mẹ ông. Như vậy đối chiếu với quy định nêu trên thì bản di chúc này không cần người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

Đối với bản án nhận định: Hợp đồng ủy quyền ngày 20 tháng 12 năm 2013 tại Văn phòng công chứng T, số 448 Nguyễn Văn Linh, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 00008616 quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu cũng như bản di chúc nêu trên là không đúng. Với các lý do đã phân tích cụ thể trong phần Bản di chúc.

Do đó, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối với Bản án số 125/2019/DS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận A; Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không đồng ý với Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 và nộp cho Tòa án 01 usb ghi âm và hình ảnh cuộc nói chuyện thể hiện việc công chứng di chúc và hợp đồng ở nhà bà Tuyết và ông Th, không phải tại Văn phòng Công chứng Tân Thuận.

Bị đơn Văn phòng công chứng T đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm về tố tụng dân sự và áp dụng pháp luật.

Ông Trần Viết N1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Viết N đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án do có vi nphạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Trường hợp nếu Tòa án tuyên bố Di chúc và hợp đồng ủy quyền là vô hiệu, thì phải bồi thường cho ông, bởi lẽ bản chất sự việc là ½ căn nhà và đất tại Trường Sơn, phường W, Quận S là của ông N, thực tế ông N cũng đã quản lý sử dụng từ khi xây dựng xong cho đến nay, ông Th và bà Tuyết đã gian dối trong việc chuyển sang tên cho ông N, do đó nếu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu thì bồi thường cho ông theo giá trị định giá căn nhà và đất đó.

Ông Nguyễn Xuân C là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Bà Trần Thị Song H là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bởi lẽ Văn phòng công chứng T đã thực hiện công chứng không có yêu cầu của ông Th khi cả hai ông bà là người lớn tuổi, không khám sức khỏe cho vợ chồng ông Th, bà T. Mặt khác, Quyết định 144 dùng để công chứng nội dung đã hết hiệu lực và chỉ có 01 bản duy nhất đã nộp cho UBND Quận S, như vậy Văn phòng Công chứng T đã công chứng không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm" tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức:Kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong hạn luật định và các đương sự đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên đơn kháng cáo, kháng nghị được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Văn phòng công chứng T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Viết N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bản án sơ thẩm nhận định: Di chúc và Hợp đồng ủy quyền căn cứ vào các giấy tờ thời điểm công chứng do phía nguyên đơn cung cấp chưa thẩm định, do vẽ, không có giá trị pháp lý để công chứng là vi phạm Điều 9, khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 35, khoản 1,2 Điều 36 Luật Công chứng năm 2006; điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 vi phạm khoản 3 Điều 652, 656 Bộ luật dân sự năm 2005, do đó cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên“Hợp đồng ủy quyền ngày 20/12/2013 tại Văn phòng công chứng T, số 448 Nguyễn Văn Linh, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 00008616 quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD” Và “Bản di chúc lập ngày 20/12/2013 tại Văn phòng công chứng T, số 448 Nguyễn Văn Linh, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 00008645 quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD” là vô hiệu vì vi phạm pháp luật. Buộc bị đơn Văn phòng công chứng T hủy 02 văn bản trên.

Nhận thấy cấp sơ thẩm tuyên bố các văn bản công chứng là vô hiệu nhưng không xác định lỗi và chưa giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu theo quy định tại Điều 400 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, cũng không lập biên bản về việc giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu và lưu vào hồ sơ vụ án theo hướng dẫn tại Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao giải đáp 01 số vấn đề nghiệp vụ là chưa giải quyết triệt để các vấn đề của vụ án để đảm bảo hết các quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Đồng thời cấp sơ thẩm xác định đương sự yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, nhưng trong phần quyết định, cấp sơ thẩm vừa tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, vừa yêu cầu Văn phòng công chứng hủy các văn bản công chứng là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông B cung cấp 01 usb và 1 bản giải trình, cùng một số hình ảnh thể hiện việc ông C – Trưởng Văn phòng công chứng T thừa nhận việc công chứng hợp đồng và di chúc ngoài trụ sở của Văn

phòng Công chứng T, cần trưng cầu giám định để xác định tính có hiệu lực của di chúc và hợp đồng ủy quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N có yêu cầu giải quyết trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tuyên bố 2 văn bản công chứng nêu trên là vô hiệu, đây là yêu cầu mới, cần thiết giải quyết trong cùng vụ án mà cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết được.

Cấp sơ thẩm không tuyên quyền kháng cáo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét đối với kháng cáo của bà H.

Ngoài ra, cần làm rõ Đoàn ba y 919 cấp bao nhiêu bản chính Quyết định số 144. Tại sao trong hồ sơ thể hiện có 2 Quyết định 144, ký cùng ngày tháng năm nhưng do 2 người khác nhau ký?

Do đó cần thiết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 125/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì ông Trần Công B, bà Võ Thị T hiện nay trên 60 tuổi, căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án, ông Bá bà T thuộc trường hợp đồng miễn án phí. Do hủy án, nên án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại vụ á

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Viết N, Văn phòng công chứng T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn cho ông Trần Viết N, Văn phòng công chứng T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Văn phòng công chứng T; chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Viết N; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 125/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại vụ án.

2.2. Án phí phúc thẩm: Hoàn cho ông Trần Viết N, Văn phòng công chứng T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0037537 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- TAND Quận A, TPHCM;
- Chi cục THADS Quận A, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Khánh